

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ PHÍ DỊCH VỤ ĐÀO TẠO TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP TỰ CHỦ VIỆT NAM

FACTORS AFFECTING THE METHOD OF DETERMINING TRAINING SERVICE FEES AT AUTONOMOUS PUBLIC UNIVERSITIES IN VIETNAM

Trần Thị Thắm

Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 18/7/2025, chấp nhận đăng ngày 15/9/2025

Tóm tắt: Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính (TCTC) đối với các trường đại học công lập (ĐHCL) theo chủ trương của Đảng và Nhà nước đòi hỏi việc quản lý chi phí dịch vụ đào tạo trên cơ sở tiết kiệm và hiệu quả cần phải được tăng cường để nâng cao chất lượng đào tạo. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để các trường ĐHCL tính đúng, tính đủ giá phí dịch vụ đào tạo. Nội dung bài viết làm sáng tỏ thêm các vấn đề lý luận về phương pháp xác định giá phí đào tạo ở các trường ĐHCL tự chủ và các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo trong các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam, phát triển bộ thang đo các nhân tố để sử dụng trong mô hình đo lường ảnh hưởng của các nhân tố đến mức độ đáp ứng yêu cầu thông tin giá phí đào tạo của nhà quản trị (sự phù hợp của phương pháp xác định chi phí) để làm cơ sở cho việc lựa chọn phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo phù hợp cho các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam.

Từ khóa: Đại học công lập, giá phí dịch vụ, tự chủ tài chính.

Abstract: Implementing the financial autonomy mechanism for public universities according to the policy of the Party and the State requires the management of training costs based on the effective use of resources to be strengthened to improve the quality of training at schools. So the question is how public universities can calculate correctly and fully the training service fees. The content of the article further clarifies theoretical issues on the method of determining training fees at autonomous public universities and the factors affecting the application of the method of determining training fees in schools. Develop a scale of factors to be used in a model to measure the impact of factors on the level of meeting the training cost information requirements of administrators (the suitability of the cost determination method) to serve as a basis for choosing a suitable training cost determination method for autonomous universities and designing a scale to evaluate the factors of Viet Nam.

Keywords: Public universities, service fees, financial autonomy.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nâng cao chất lượng giáo dục đại học nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đang là vấn đề được cả xã hội quan tâm. Thực hiện cơ chế TCTC đòi hỏi các trường ĐHCL phải sử dụng

hiệu quả mọi nguồn lực để nâng cao chất lượng đào tạo. Do đó, việc các trường xác định chính xác giá phí dịch vụ đào tạo theo suất đào tạo hoặc ngành đào tạo là căn cứ quan trọng để nhà quản trị xác định mức thu học phí cho phù hợp.

Việc nghiên cứu xác định, đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến sự phù hợp của phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo tại các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo để cung cấp thông tin cho nhà quản trị trong việc ra các quyết định về tuyển sinh và đào tạo được hiệu quả tối ưu sẽ có ý nghĩa nhằm phát triển bộ thang đo các nhân tố để sử dụng trong mô hình đo lường ảnh hưởng của các nhân tố đến mức độ đáp ứng yêu cầu thông tin giá phí dịch vụ đào tạo (sự phù hợp của phương pháp xác định chi phí) để làm cơ sở cho các trường lựa chọn phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo phù hợp. Trên cơ sở mô hình phân tích và bộ thang đo được thiết kế đã làm rõ được sự ảnh hưởng của các nhân tố đến sự phù hợp của phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo áp dụng tại các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Các vấn đề lý luận về giá phí dịch vụ đào tạo trong các trường đại học công lập

- Giá phí dịch vụ đào tạo trong trường ĐHCL được hiểu là toàn bộ các hao phí về nguồn lực đầu vào liên quan đến hoạt động đào tạo được qui đổi thành tiền thực tế đã chi ra hoặc xác nhận phải chi trong quá trình đào tạo. Do đó, giá phí dịch vụ đào tạo đơn vị là toàn bộ các hao phí về lao động, vật tư, dịch vụ thuê ngoài, mua ngoài cần thiết và chi phí khấu hao TSCĐ phân bổ để hoàn thành việc đào tạo cho một người học hoàn thành chương trình đào tạo đạt chuẩn đầu ra mà trường đại học đó đã công bố và cam kết thực hiện với cơ quan quản lý nhà nước và xã hội.
- Đặc điểm hoạt động đào tạo của trường ảnh hưởng rất lớn đến việc áp dụng phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo. Mỗi ngành đào tạo trong trường đều có đặc thù riêng như: thời gian đào tạo, nội dung đào tạo,

phương pháp dạy và học... vì vậy mỗi ngành khác nhau sẽ có giá phí dịch vụ đào tạo khác nhau. Một trường đại học đào tạo nhiều ngành sẽ làm cho việc xác định giá phí dịch vụ đào tạo phức tạp hơn và ngược lại.

- Nguyên tắc xác định giá phí dịch vụ đào tạo đối với các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định hoặc đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tương đương: trường được tự xác định mức thu học phí của chương trình đó trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ sở giáo dục ban hành và thực hiện công khai giải trình với người học, xã hội.

▪ Phân loại giá phí dịch vụ đào tạo

Có nhiều tiêu chí khác nhau để phân loại giá phí dịch vụ đào tạo, tùy thuộc vào mục đích nghiên cứu và cách tiếp cận để giải quyết vấn đề, có thể lựa chọn cách phân loại phù hợp. Trong phạm vi bài viết tác giả đưa ra một số cách phân loại chi phí phục vụ cho việc xác định giá phí dịch vụ đào tạo trong trường ĐHCL tự chủ, bao gồm: Phân loại chi phí đào tạo theo mối quan hệ với đối tượng tính chi phí; Phân loại chi phí đào tạo theo yếu tố chi phí; Phân loại chi phí đào tạo theo các ứng xử của chi phí; Phân loại chi phí đào tạo phục vụ cho việc đánh giá, so sánh; Phân loại chi phí đào tạo phục vụ cho việc ra quyết định quản lý; Phân loại chi phí đào tạo theo cách qui nạp chi phí.

2.2. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu mang tính hệ thống về quản lý chi phí đào tạo của các trường ĐHCL ở Việt Nam do tác giả Tô Hồng Thiên (2019) [3] thực hiện đã nhấn mạnh rằng việc tính đúng, tính đủ CPĐT sẽ đảm bảo tính toán đúng hiệu quả của mỗi hình thức đào tạo. Tác giả đã phân ánh

một cách thực tế rằng hầu hết các trường ĐHCL hiện nay đều chưa chú trọng và cũng chưa thể tự xác định được chi phí dịch vụ đào tạo đơn vị theo bình quân sinh viên. Để đáp ứng yêu cầu của quản trị đại học trong điều kiện thực hiện cơ chế TCTC tác giả cho rằng quản lý chi phí dịch vụ đào tạo tại các trường cần phải được thực hiện theo cơ chế như doanh nghiệp, nghĩa là phải đề cao tính hiệu quả, tiết kiệm chi phí và phải tính các yếu tố đầu vào tương ứng với chất lượng đầu ra.

Liên quan đến vận dụng phương pháp xác định chi phí đào tạo trong các trường đại học đã có một số nghiên cứu ở Việt nam đã được công bố, Nguyễn Văn Áng và cộng sự (2009) [1] cho rằng chi phí dịch vụ đào tạo trong trường đại học chịu tác động bởi các yếu tố chủ yếu như qui mô đào tạo, chất lượng đào tạo, đặc điểm ngành/chương trình đào tạo, qui mô và đội ngũ giảng viên và cơ chế quản lý tại trường đại học đó, nên việc xác định giá phí dịch vụ đào tạo cần chú ý đến chuẩn đầu ra về chất lượng đào tạo, tính toán qui mô đào tạo hợp lý, đổi mới cơ chế quản lý và chuẩn hóa trình độ giảng viên.

Nguyễn Thị Thanh Loan (2019) [2] với nghiên cứu phương pháp gián tiếp xác định chi phí đào tạo tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội trên cơ sở sử dụng nguyên tắc bình quân thực tế để xác định chi phí đào tạo tính cho một sinh viên qua các năm. Theo đó tổng chi phí đào tạo cho một sinh viên được xác định bằng tổng chi phí đào tạo chia tổng số sinh viên thực tế có mặt bình quân của năm đó. Trong nghiên cứu này tác giả đã tính đến các yếu tố thay đổi về số lượng sinh viên, tăng lương và trượt giá khi xác định chi phí đào tạo cho năm tiếp theo. Tuy nhiên việc xác định chi phí đào tạo chỉ đơn thuần dựa vào số liệu thực tế trong quá khứ và tính bình quân để xác định chi phí đào tạo cho tương lai.

Việc nghiên cứu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo trong trường ĐHCL tự chủ ở Việt nam trên khía cạnh tính đúng, tính đủ CPĐT nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin của nhà quản trị trong việc ra các quyết định quản lý là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay đây là khoảng trống trong nghiên cứu

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

3.1. Phương pháp nghiên cứu

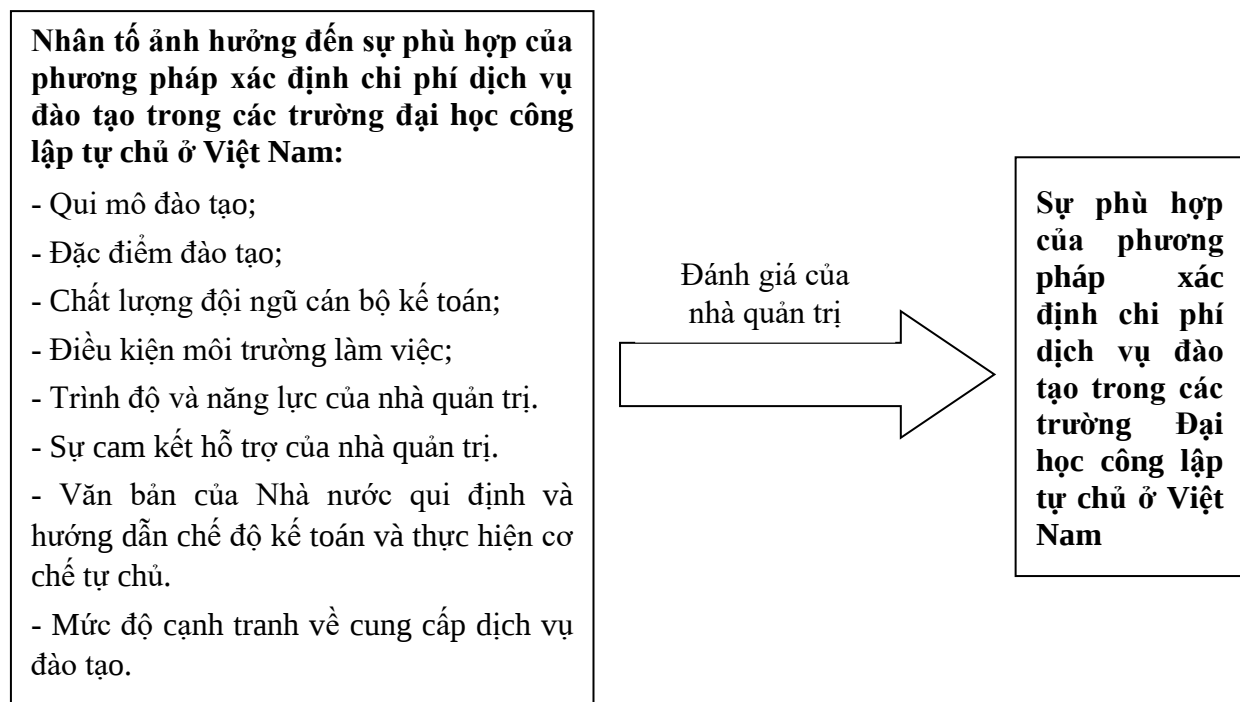
Để giải quyết vấn đề nghiên cứu đặt ra tác giả sử dụng kết hợp pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Với nghiên cứu định tính tác giả sẽ thực hiện theo phương pháp phỏng vấn sâu các chuyên gia là nhà quản trị các cấp có liên quan đến việc cung cấp, sử dụng thông tin chi phí dịch vụ đào tạo và kế toán trưởng ở các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam (điển hình là một số trường trên địa bàn Hà Nội gồm Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học công nghiệp Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp...) với số lượng chuyên gia là 35 người, chủ yếu là thành viên Hội đồng trường để thu thập thông tin qua bảng hỏi đã được xây dựng trong quá trình tổng quan tài liệu. Từ dữ liệu phỏng vấn sâu các chuyên gia được chọn lọc, tác giả sắp xếp tổng hợp lại, chuẩn hóa lại mô hình nghiên cứu và thang đo, đồng thời có thể điều chỉnh lại bảng hỏi để chuẩn bị cho việc khảo sát trên diện rộng tại các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu định lượng được thực hiện để thiết kế và phân tích dữ liệu điều tra khảo sát, tác giả tiến hành gửi phiếu khảo sát tới các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam qua khảo sát trực tiếp và khảo sát qua Internet với tổng số phiếu gửi đi là 185 phiếu, số phiếu thu về được lọc và bỏ bớt số phiếu không hợp lệ còn lại thu được 145 phiếu và được đưa vào phần mềm SPSS26.0 để thực hiện phân tích kết quả nghiên cứu thông qua

việc sử dụng hệ số tin cậy Cronbach Alpha. Hệ số này càng cao thì thang đo có độ tin cậy càng cao, từ đó loại đi các biến quan sát không phù hợp. Phân tích nhân tố khám phá (EFA) để kiểm định các nhân tố ảnh hưởng và nhận diện các yếu tố cho là phù hợp và sử dụng phân tích hồi qui tuyến tính đa biến xác định các nhân tố và mức độ tác động của từng nhân tố đến sự phù hợp của phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo tại các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Quy trình nghiên cứu định lượng được tác giả

tiến hành sau khi hiệu chỉnh thang đo thông qua bảng câu hỏi khảo sát chính thức và các biến quan sát được đo bằng thang đo Likert- 5 mức độ, các số liệu trong nghiên cứu được thu thập bằng cách gửi phiếu hoặc nhận data bằng hình thức online của nhà quản trị và nhân viên kế toán các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam. Thông qua các bước nghiên cứu, tác giả xác định được các yếu tố tác động ảnh hưởng đến sự phù hợp của phương pháp xác định chi phí dịch vụ đào tạo trong các trường đại học công lập tự chủ ở Việt Nam và đề xuất mô hình nghiên cứu tại Hình 1.



Hình 1. Mô hình đánh giá sự phù hợp của phương pháp xác định giá dịch vụ đào tạo tại các trường đại học công lập tự chủ ở Việt Nam

4. PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ PHÍ DỊCH VỤ ĐÀO TẠO

4.1. Nhận diện các nhân tố ảnh hưởng

Kiểm định độ tin cậy thang đo được trình bày tại số liệu bảng 1, để đảm bảo độ tin cậy trong

phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến sự phù hợp của phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo áp dụng tại các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam, nghiên cứu sử dụng công cụ kiểm định Cronbach's Alpha. Kết quả kiểm định cho thấy các nhân tố đưa vào mô hình phân tích đều có độ tin cậy cao.

Hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 với mức ý nghĩa 5% nên đủ điều kiện để được sử dụng cho phân tích nhân tố ở bước tiếp theo. Để nhận diện được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phù hợp của phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo áp dụng trong các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam, phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) được tác giả sử dụng để sàng lọc các nhân tố ảnh hưởng mang tính khám phá đánh giá tính hợp lý của cơ sở dữ liệu. Theo đó, công cụ kiểm định KMO & Bartlett's Test được sử dụng như đề xuất của Kaiser cùng với việc thực hiện phép xoay Varimax lặp đi lặp lại cho đến khi các nhân tố được rút ra phải thỏa mãn tiêu chuẩn của Kaiser (hệ số Eigenvalue ≥ 1 và hệ số tải nhân tố $\geq 0,5$).

Kết quả phân tích EFA ở Bảng 2 cho thấy có 30 biến trong tổng số 31 biến quan sát đưa vào mô hình phân tích có hệ số tải nhân tố $\geq 0,5$ nên chỉ có những biến này mới đủ điều kiện sử dụng trong phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến sự phù hợp của phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo áp dụng tại các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam.

4.2. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố

Để đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến sự phù hợp của phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo áp dụng tại các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam, nghiên cứu sử dụng mô hình phân tích hồi qui tuyến tính. Cụ thể, 8 thành phần nhân tố được chọn làm biến độc lập cùng với biến phụ thuộc là mức độ phù hợp của phương pháp xác định chi phí áp dụng sẽ được đưa vào mô hình để ước lượng.

Trước khi được đưa vào mô hình ước lượng,

biến phụ thuộc được kiểm định để đảm bảo điều kiện sử dụng với hệ số tin cậy Cronbach' Alpha đạt 0,785 ở mức ý nghĩa 5% ($>0,5$) và biến quan sát trong thang đo của biến phụ thuộc đều có hệ số tương quan của biến tổng lớn hơn 0,3. Kết quả Bảng 3 cho thấy các giá trị thống kê R bình phương hiệu chỉnh là 0,747 và hệ số F là 99,25 với mức ý nghĩa thống kê 1% cho thấy mô hình hồi qui tuyến tính là phù hợp và sử dụng được. Theo đó, ngoại trừ nhân tố X6 (Cam kết hỗ trợ của nhà quản trị), các nhân tố còn lại trong mô hình đều ảnh hưởng có ý nghĩa đến sự phù hợp của phương pháp xác định chi phí áp dụng tại các trường ở mức ý nghĩa thống kê từ 1% đến 5%. Trong số các nhân tố ảnh hưởng thuận chiều thì X4 (Điều kiện và môi trường làm việc) có ảnh hưởng lớn đến kết quả đánh giá về sự phù hợp của phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo áp dụng ở các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam. Tiếp đến là nhân tố X7 (Văn bản qui định thực hiện cơ chế TCTC về kế toán) cũng ảnh hưởng khá lớn về sự phù hợp của phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo tại các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam. Ảnh hưởng ở mức độ ít nhất có nhân tố X3 (chất lượng đội ngũ cán bộ kế toán) cũng tác động làm cho kết quả đánh giá của nhà quản trị về mức độ phù hợp của phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo áp dụng tại các trường. Ở thái cực ngược lại, các nhân tố X1 (Đặc điểm đào tạo) X2 (Qui mô đào tạo), X8 (Mức độ cạnh tranh giữa các trường) có ảnh hưởng trái chiều đến kết quả đánh giá về sự phù hợp của phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo áp dụng tại các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam. Điều này cũng trùng với kết luận trong nghiên cứu của Hair và cộng sự [4].

Bảng 1. Kết quả kiểm định của các thang

Ký hiệu	Tên nhân tố	Hệ số Cronbach's Alpha
X1	Đặc điểm đào tạo	0,837
X2	Qui mô đào tạo	0,802
X3	Chất lượng đội ngũ cán bộ kế toán	0,760
X4	Điều kiện và môi trường làm việc của bộ phận kế toán	0,754
X5	Trình độ và kỹ năng của nhà quản trị trong quản lý chi phí đào tạo	0,810
X6	Sự cam kết hỗ trợ của nhà quản trị	0,665
X7	Văn bản quy định thực hiện cơ chế TCTC về kế toán	0,723
X8	Mức độ cạnh tranh về cung cấp dịch vụ đào tạo	0,736

Nguồn: trích xuất từ kết quả kiểm định mô hình

Bảng 2. Ma trận xoay nhân tố trong kết quả phân tích EFA

Các biến thuộc nhân tố	Thành phần nhân tố
X1.1 Sự đa dạng của ngành nghề đào tạo	,887
X1.2 Sự đa dạng của chương trình đào tạo	,877
X1.3 Sự đa dạng của loại hình đào tạo	,839
X1.5 Sự phối hợp của các bộ phận tham gia đào tạo	,765
X1.4 Sự phức tạp của qui trình đào tạo	,717
X2.2 Số lượng giảng viên	,921
X2.3 Số lượng cán bộ quản lý phục vụ đào tạo	,857
X2.1 Số lượng người học thực tế	,706
X3.5 Khả năng trình bày viết báo cáo	,764
X3.2 Mức độ sử dụng công cụ hỗ trợ	,755
X3.4 Khả năng tổ chức sắp xếp công việc	,751
X3.3 Khả năng làm việc theo nhóm	,742
X3.1 Trình độ chuyên môn	,513
X4.4 Thời gian làm việc	,801
X4.2 Cơ sở vật chất, thiết bị	,765
X4.1 Lương và các khoản thu nhập khác	,598
X4.5 Khả năng tổ chức sắp xếp công việc	,556
X4.3 Khả năng làm việc theo nhóm	,545

Các biến thuộc nhân tố	Thành phần nhân tố
X5.1 Sử dụng thông tin chi phí đào tạo	,832
X5.3 Tích hợp hệ thống thông tin chi phí đào tạo	,810
X5.2 Sử dụng công cụ để phân tích thông tin	,798
X6.1 Thiết lập chính sách & chỉ đạo xác định chi phí đào tạo	,832
X6.3 Cam kết đầu tư của quản lý cho xác định chi phí đào tạo	,732
X6.2 Cam kết đào tạo, bồi dưỡng nhân viên kế toán	,689
X7.3 Mức độ chi tiết, rõ ràng của văn bản	,812
X7.2 Mức độ phù hợp, cập nhật của văn bản	,798
X7.1 Tính hệ thống của văn bản qui định	,765
X8.3 Cạnh tranh về giá dịch vụ đào tạo	,791
X8.4 Cạnh tranh về phương thức đào tạo	,781
X8.2 Cạnh tranh về chất lượng đào tạo	,502

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra của tác giả

Bảng 3. Kết quả kiểm định hồi quy đa biến

Biến	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số Beta chuẩn hóa	t	Sig.	Đa cộng tuyến	
	B	Std.Error				Độ chấp nhận	VIF
X1	-0,175	0,037	-0,227	-4,787	0,000***	0,918	1,091
X2	-0,013	0,025	-0,025	-2,543	0,011**	0,954	1,048
X3	0,059	0,041	0,067	2,036	0,043**	0,958	1,042
X4	0,143	0,066	0,202	2,162	0,032**	0,236	4,249
X5	-0,020	0,026	-0,045	-4,766	0,000***	0,603	1,658
X6	0,052	0,031	0,088	1,446	0,150 NS	0,748	1,332
X7	0,018	0,030	0,031	2,849	0,004***	0,754	1,323
X8	-0,353	0,061	-0,510	-5,776	0,000***	0,265	3,776
R2 adjusted= 0,747 F=99,250 Sig.0,000							

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra của tác giả

Đối với nhân tố X5 - Trình độ và năng lực của nhà quản trị) bình quân 1 điểm phần trăm tăng thêm của nhân tố này sẽ làm cho kết quả đánh giá của nhà quản trị về sự phù hợp của phương pháp xác định chi phí áp dụng giảm 0,02 điểm phần trăm. Điều này cho thấy, nhà quản trị có trình độ và năng lực quản lý chi phí dịch vụ đào tạo ở mức cao thường có mức độ yêu cầu cao hơn về công việc. Do đó, kết quả đánh giá của họ về sự phù hợp của phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo áp dụng cũng sẽ khắt khe hơn.

Vậy trong số 8 nhân tố được đưa vào mô hình phân tích thì có 7 nhân tố ảnh hưởng có ý nghĩa đến kết quả đánh giá của nhà quản trị về sự phù hợp của phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo áp dụng tại các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam. Trong đó, các nhân tố nội sinh thuộc về các trường tác động thuận chiều đến kết quả đánh giá về sự phù hợp của phương pháp xác định chi phí áp dụng thì X3 - Chất lượng đội ngũ cán bộ kế toán và X4 - Điều kiện và môi trường làm việc có sức ảnh hưởng lớn tới kết quả đánh giá về sự phù hợp của phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo áp dụng tại các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam. Ngược lại, các nhân tố X1 - Đặc điểm đào tạo, X2 - Qui mô đào tạo, X5 - Trình độ và năng lực nhà quản trị và X8 - Mức độ cạnh tranh về cung cấp dịch vụ đào tạo có ảnh hưởng trái chiều đến kết quả đánh giá về sự phù hợp của phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo áp dụng tại các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam. Từ kết quả của nghiên cứu này so với nghiên cứu trước đó của Nguyễn Thanh Loan [2] xác định chi phí đào tạo tại Đại học Công nghiệp Hà Nội, tác giả tính tổng chi phí đào tạo cho một sinh viên bằng cách lấy Tổng chi phí đào tạo / Tổng số sinh viên có mặt bình quân. Điều này cho thấy việc tác giả xác định chi phí đào tạo mới chỉ đơn

thuần dựa vào số liệu thực tế trong quá khứ và tính bình quân để xác định chi phí đào tạo cho tương lai. Điều này chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của nhà quản trị là tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo để tính giá thành cho từng khóa học, chương trình đào tạo hoặc học viên trên cơ sở tập hợp đầy đủ chi phí giúp nhà quản trị định giá học phí dựa trên chi phí thực tế. Với nghiên cứu của Tô Hồng Thiên [3] về tổ chức hệ thống kế toán quản trị tại các trường cao đẳng công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, tác giả nhấn mạnh rằng việc tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo sẽ đảm bảo tính toán đúng hiệu quả của mỗi hình thức đào tạo. Tác giả đã đưa ra kết luận hầu hết các trường ĐHCL chưa trú trọng và thực sự tự xác định được chi phí dịch vụ đào tạo theo đầu sinh viên.

Việc so sánh trực tiếp với các nghiên cứu trong nước và quốc tế về những nội dung liên quan đến chủ đề bài báo là rất cần thiết, bởi chưa có công trình nào nghiên cứu cụ thể về các nhân tố ảnh hưởng đến phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo tại các trường đại học công lập tự chủ ở Việt Nam trong bối cảnh thực hiện cơ chế TCTC hiện nay. Do đó nội dung nghiên cứu của bài viết sẽ có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn trong cơ chế TCTC hiện nay của Việt Nam.

5. KẾT LUẬN

Thực hiện cơ chế TCTC và chịu sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt do xu hướng hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giáo dục đại học, để tồn tại và phát triển, các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam phải xác định được giá phí dịch vụ đào tạo theo suất đào tạo hoặc theo ngành đào tạo để nhà quản trị ra các quyết định quản lý và điều hành hoạt động. Trong bài viết, tác giả đã làm sáng tỏ thêm các vấn đề lý luận về phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo

tại các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam và các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo trong các trường; phát triển bộ thang đo các nhân tố để sử dụng trong mô hình đo lường ảnh hưởng của các nhân tố đến mức độ đáp ứng yêu cầu thông tin giá phí dịch vụ đào tạo của nhà quản trị (sự phù hợp của phương pháp xác định chi phí) để làm cơ sở cho các trường lựa chọn phương pháp xác định chi phí dịch vụ đào tạo phù hợp cho các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam. Trên cơ sở mô hình phân tích và bộ thang đo được thiết kế, bài viết đã xác định, đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến sự phù hợp của phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo tại các trường ĐHCL tự chủ ở Việt Nam. Qua đó cho thấy kế toán quản trị chi phí đóng vai trò rất quan trọng cung cấp thông tin cho nhà quản lý để ra các quyết định quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra là tính đúng, tính đủ chi phí dịch vụ đào tạo theo suất đào tạo hoặc theo ngành đào tạo

giúp nhà quản trị định giá học phí dựa trên chi phí thực tế để đưa ra các quyết định phù hợp mang tính chiến lược trong cơ chế TCTC và cạnh tranh như hiện nay.

Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế. Mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phù hợp của phương pháp xác định giá phí dịch vụ đào tạo tại các trường đại học công lập tự chủ ở Việt Nam được xây dựng dựa trên tổng quan các công trình nghiên cứu trước đây, bao gồm cả các nghiên cứu trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, phạm vi khảo sát chưa bao quát hết các trường đại học công lập tự chủ trên toàn quốc, nên khả năng bỏ sót một vài nhân tố ảnh hưởng đặc thù trong điều kiện thực hiện cơ chế tự chủ là điều có thể xảy ra. Từ hạn chế này, tác giả đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo là xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán tại các trường đại học công lập tự chủ ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Văn Áng, Luận văn “Nghiên cứu nhân tố tác động đến phí đào tạo ở các trường đại học công lập”, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, (2019).
- [2] Nguyễn Thị Thanh Loan, Luận án “Nghiên cứu phương pháp xác định chi phí đào tạo ở các trường đại học công lập thực hiện cơ chế tự chủ tài chính”, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, (2021).
- [3] Tô Hồng Thiên, Luận án “Tổ chức hệ thống kế toán quản trị tại các trường cao đẳng công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, (2019).
- [4] Hair và cộng sự “Determination of Educational Cost in Public University- A Modified Activity Based Approach”, *World Journal of Social Sciences*, Vol.2 tr 34-48, (1998).

Thông tin liên hệ:

Trần Thị Thắm

Điện thoại: 0904106699 - Email: tttham@uneti.edu.vn

Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.